



VnDoc - Tải tài liệu, văn bản pháp luật, biểu mẫu miễn phí

TỪ VỰNG TIẾNG ANH LỚP 11 CHƯƠNG TRÌNH MỚI

UNIT 10: HEALTHY LIFESTYLE AND LONGEVITY

- immune system (n): Hệ thống miễn dịch
- relieve (v): làm dịu đi, làm mất đi (cơn đau, ...)
- life expectancy (n): Tuổi thọ trung bình
- longevity (n): tuổi thọ
- remedy (n) (+ for sth): phương thuốc, thuốc cứu chữa
- prescription (n): đơn thuốc, toa
- workout (n): tập luyện
- meditation (n): sự điều đình, sự hòa giải
- nutrition (n) – nutritious (a): sự dinh dưỡng - có chất dinh dưỡng
- ageing process (n): quá trình lão hóa
- anti-ageing food (n): Thức ăn chống lão hóa
- obesity (n): béo phì
- consume (v) – consumption (n): tiêu thụ - sự tiêu thụ
- precaution (n): sự phòng ngừa, đề phòng
- diet (n) – dietary (a): chế độ ăn kiêng - thuộc chế độ ăn kiêng

I. Phrasal verbs/ structures:

- make sense to sb: làm cho ai đó hiểu rõ cái gì
- go/be on a diet: đang thực hiện chế độ ăn kiêng

Mời bạn đọc tham khảo thêm tài liệu Tiếng Anh [lớp 11](#) tại đây:

Bài tập Tiếng Anh lớp 11 theo từng Unit: <https://vndoc.com/tieng-anh-lop-11>

Bài tập Tiếng Anh lớp 11 nâng cao: <https://vndoc.com/tieng-anh-pho-thong-lop-11>

Bài tập trắc nghiệm trực tuyến Tiếng Anh lớp 11: <https://vndoc.com/test/mon-tieng-anh-lop-11>